

Số: 156/BC-UBND

Thanh Trì, ngày 14 tháng 6 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024 trên địa bàn huyện Thanh Trì

#### Phần thứ nhất

#### Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2024

Năm 2024, công tác quản lý nhà nước về đầu tư công với sự điều hành của Huyện ủy, UBND huyện được thực hiện chặt chẽ, đồng bộ và bám sát kế hoạch đã đề ra, nên việc tổ chức triển khai, thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2024 đạt được những kết quả khả quan. Tính từ đầu năm đến nay đã triển khai thực hiện 75 công trình (trong đó có 07 công trình chuyên tiếp) với tổng nguồn vốn đầu tư là 171.728,550 triệu đồng, giải ngân 36.093,484 triệu đồng - đạt 21,02% so với kế hoạch vốn, ước thực hiện đến ngày 30/6/2024 giải ngân 73.705 triệu đồng - đạt 42,92% so với kế hoạch, chia theo từng nguồn vốn như sau:

#### I. Nguồn vốn huyện quản lý

Tổng vốn đầu tư do huyện quản lý là 171.728,550 triệu đồng, xây dựng 75 công trình, tiến độ thực hiện như sau:

- 27 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.
- 07 công trình đang thi công, khối lượng hoàn thành trên 70%.
- 41 công trình đang thi công, khối lượng hoàn thành trên 10%.

Tổng giá trị khối lượng thực hiện 39.504,886 triệu đồng, giải ngân 36.093,484 triệu đồng - đạt 21,02% so với kế hoạch vốn, ước thực hiện đến ngày 30/6/2024 giải ngân 73.705 triệu đồng - đạt 42,92% so với kế hoạch, phân theo từng nguồn vốn như sau:

**1. Vốn đầu tư:** tổng vốn giao 103.179 triệu đồng, giải ngân 18.977,558 triệu đồng - đạt 18,4% kế hoạch, ước thực hiện đến ngày 30/6/2024 là 46.014,844 triệu đồng - đạt 44,6% so với kế hoạch vốn, chia ra:

**1.1 Vốn phân cấp ngân sách huyện:** 26.419 triệu đồng, xây dựng 13 công trình, hoàn thành 03 công trình đưa vào sử dụng, giải ngân 6.173 triệu đồng - đạt 23,4% so với kế hoạch, ước thực hiện và cam kết giải ngân đến 30/6/2024 - đạt 63,25 % so với kế hoạch.

**1.2 Vốn Ngân sách tỉnh trợ cấp có mục tiêu:** 29.780 triệu đồng

- Từ nguồn vốn xã số kiến thiết: 29.780 triệu đồng, triển khai thực hiện 04 công trình, giải ngân 5.213 triệu đồng - đạt 17,5% kế hoạch, ước thực hiện đến ngày 30/6/2024 giải ngân 11.547 triệu đồng - đạt 38,78 so với kế hoạch.

### 1.3 Chương trình mục tiêu quốc gia:

**a. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:** 32.312 triệu đồng (NSTW là 12.371 triệu đồng, Ngân sách tỉnh đối ứng là 19.941 triệu đồng), triển khai thực hiện 17 công trình và 01 công trình chuyển tiếp, hoàn thành đưa vào sử dụng 08 công trình, giải ngân 4.588 triệu đồng - đạt 14,2% kế hoạch, ước thực hiện đến 30/6/2024 giải ngân 8.862,577 triệu đồng - đạt 27,43%<sup>1</sup> kế hoạch.

**b. Nguồn ngân sách trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

- **Dự án 1:** Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 2.992 triệu đồng (NSTW là 2.720 triệu đồng, ngân sách huyện đối ứng 272 triệu đồng). Ước thực hiện đến 30/6/2024 giải ngân 2.720 triệu đồng - đạt 90,91% so với kế hoạch.

- **Dự án 4:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc: 10.001,744 triệu đồng (NSTW là 8.973 triệu đồng, ngân sách huyện đối ứng 1.028,744 triệu đồng), triển khai thực hiện khởi công mới 06 công trình và 01 công trình chuyển tiếp, giải ngân 3.003 triệu đồng - đạt 30% kế hoạch vốn, ước thực hiện đến 30/6/2024 giải ngân 6.175 triệu đồng - đạt 61,74% so với kế hoạch.

**1.4 Nguồn tăng thu năm 2022 (Nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2024):**

Tổng kế hoạch vốn kéo dài là 1.543,542 triệu đồng, thực hiện 01 công trình, ước đến 30/6/2024 giải ngân 1.500 triệu đồng - đạt 97,18%

**1.5 Nguồn tiết kiệm chi năm 2022 đã hạch toán chi chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2022 sang năm 2023 (Nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2024):**

Tổng kế hoạch vốn kéo dài là 91,064 triệu đồng, thực hiện 01 công trình, ước thực hiện đến 30/6/2024 giải ngân 91,064 triệu đồng - đạt 100%.

**1.6 Ứng trước kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2024 (Kết dư ngân sách huyện)**

Tổng kế hoạch vốn là 40 triệu đồng, thực hiện 08 danh mục công trình.

## 2. Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư

**2.1 Kinh phí hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất lúa:** 22.548 triệu đồng, triển khai 22 công trình (trong đó 13 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng), khối lượng thực hiện 10.703 triệu đồng, giải ngân 10.703 triệu đồng - đạt 47% so với kế hoạch, ước thực hiện đến ngày 30/6/2024 giải ngân 14.190 triệu đồng - đạt 62,93% so với kế hoạch.

**2.2 Kinh phí sự nghiệp kiến thiết thị chính:** 11.001 triệu đồng, triển khai 08 công trình, khối lượng thực hiện 1.643,580 triệu đồng, giải ngân

<sup>1</sup> Do vừa được UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Tỉnh (vốn đối ứng) năm 2024 tại Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 08/05/2024, nên tỷ lệ giải ngân thấp so với tiến độ cam kết.

1.643,580 triệu đồng - đạt 14,94% so với kế hoạch, ước thực hiện đến ngày 30/6/2024 giải ngân 5.500,600 triệu đồng - đạt 50% so với kế hoạch.

## **II. Nguồn vốn tỉnh quản lý**

Tổng vốn tỉnh quản lý là **35.000 triệu đồng**, thực hiện đầu tư 01 công trình chuyên tiếp: Công trình Đường Nguyễn Huệ, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, giải ngân 4.769 triệu đồng, đạt 13,6% kế hoạch, ước thực hiện đến ngày 30/6/2024 giải ngân 8.000 triệu đồng - đạt 22,86% kế hoạch.

*(Chi tiết đính kèm phụ lục 1, 2)*

## **III. Đánh giá chung**

Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2024 có những thuận lợi hơn so với các năm 2021, 2022, 2023 do được giao vốn sớm. Công tác quản lý đầu tư công trên địa bàn huyện luôn được sự quan tâm hỗ trợ từ sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, UBND huyện; sự đồng thuận của các cấp, ngành và sự ủng hộ của nhân dân trên địa bàn. Các chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc hoàn thành các thủ tục và triển khai thực hiện. Các dự án sử dụng nguồn phân cấp ngân sách huyện hầu hết có quy mô nhỏ, ít vướng giải phóng mặt bằng,... nên việc triển khai thực hiện thuận lợi hơn.

Tuy nhiên, năm 2024 là năm có nhiều khó khăn, thách thức: Khối lượng công việc nhiều hơn, ngoài việc điều hành kế hoạch năm của các dự án đã có trong trung hạn, các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện, giải ngân dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm kế hoạch năm 2024 và số vốn năm 2022, 2023 chưa giải ngân được cho phép chuyển nguồn sang năm 2024); Các yếu tố như giá cả nguyên, nhiên, vật liệu dự báo biến động khó lường, tác động trực tiếp đến hoạt động đầu tư xây dựng, thi công của các nhà thầu...; Trong các tháng đầu năm, các dự án khởi công mới triển khai thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán, mới đủ điều kiện tổ chức đấu thầu xây lắp hoặc mua sắm nên tỷ lệ giải ngân đạt thấp; Công tác phối hợp giữa chủ đầu tư với ngành chuyên môn có liên quan từng lúc chưa chặt chẽ (đề xuất quy mô, vị trí, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, quản lý, bảo quản); Nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu vốn cần thiết đầu tư xây dựng những công trình bức xúc trên địa của huyện; Công tác quyết toán hồ sơ đối với công trình hoàn thành còn chậm theo quy định.

### **Phần thứ hai**

## **Kế hoạch và một số giải pháp đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng cuối năm 2024**

### **I. Kế hoạch**

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư và giải ngân các nguồn vốn do huyện quản lý:

**Vốn phân cấp ngân sách huyện** (Điều chỉnh vốn cân đối ngân sách địa phương): 787 triệu đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục 3 đính kèm)*

## II. Một số giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2024

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 theo Công văn số 303/UBND-XD ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Công văn 42/UBND-TCKH ngày 15/01/2024 và Công văn 198/UBND-TCKH ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về xây dựng lộ trình và cam kết tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; có chế tài xử lý nghiêm khắc theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

- Thủ trưởng các Ban, phòng, ngành, các chủ đầu tư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tiến độ thực hiện từng dự án cụ thể và thường xuyên kiểm tra, rà soát tiến độ thực hiện của từng phần công việc để kịp thời có biện pháp xử lý nhằm đảm bảo tiến độ chung của dự án; kiểm soát chặt chẽ sự cần thiết, quy mô từng dự án theo đúng quy hoạch, mục tiêu đã được duyệt, bảo đảm hiệu quả đầu tư và kết quả đầu ra của từng dự án; nâng cao chất lượng công tác lựa chọn tư vấn trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án.

- Tăng cường triển khai thực hiện Luật Đấu thầu và các văn bản quy định, hướng dẫn trong công tác đấu thầu đúng quy định pháp luật, lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực thi công, lựa chọn hình thức Hợp đồng phù hợp theo quy định.

- Tập trung giải quyết công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư kịp thời, đúng quy định cho người dân, bảo đảm đúng pháp luật và hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân. Tăng cường quản lý hiệu lực, hiệu quả đất đai, nhất là nguồn gốc đất, quy hoạch sử dụng các loại đất... hạn chế tối đa việc điều chỉnh phương án đền bù, bảo đảm tiến độ thực hiện.

- Đối với các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng và thanh toán các khoản chi phí. Chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành gửi phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, trình UBND huyện quyết toán dự án hoàn thành, đóng mã số công trình theo quy định, tránh trường hợp để dồn vào thời điểm cuối năm mới quyết toán.

- Tăng cường công tác thanh tra và kiểm tra các công trình theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí. Tập trung vào các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, các công trình thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường vai trò giám sát nhân dân, phối hợp các ngành chức năng giám sát chuyên ngành để đảm bảo chất lượng và mỹ quan công trình. Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông nông thôn đảm bảo công trình sử dụng lâu dài.

- Kho bạc nhà nước thực hiện thanh toán cho các dự án khi có đủ điều kiện giải ngân, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các Ban, phòng, ngành liên quan

và chủ đầu tư để xử lý các vướng mắc phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi.

- Rà soát nhu cầu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, xây dựng Kế hoạch đầu tư công 2025 đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công.

Trên đây là Báo cáo tình hình đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024 trên địa bàn huyện Thạnh Trị./.

*[Handwritten signature]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- TT. Huyện ủy;
- TT. HDND huyện;
- TV. UBND huyện;
- Đ/b HĐND huyện
- Lưu VP (VT-NC; TC-KH).



*[Handwritten signature]*  
**Lê Thanh Chúc**



**TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2024**  
 (Ban hành kèm theo Báo cáo số 176/BC-UBND, ngày 17/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị)

Đến ngày 31-5-2024

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024 được giao			Tiến độ thi công (%)	Giải ngân			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch			Khối lượng hoàn thành	Cam kết tiến độ giải ngân đến 30/6/2024	So sánh tỷ lệ giải ngân so với cam kết (%)	So sánh tỷ lệ cam kết giải ngân so với kế hoạch (%)	Lãnh đạo trực tiếp theo dõi chỉ đạo
				Tổng cộng	NSTW	NSDP		Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	NSTW	NSDP					
1	2	3	4	5			6	7			8			9	10	11=7/10*100	12=10/5*100	12
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>138.179.350.000</b>	<b>59.064.000.000</b>	<b>79.075.350.000</b>		<b>23.746.724.129</b>	<b>12.360.573.899</b>		<b>17,2</b>	<b>20,9</b>	<b>27.158.126.541</b>	<b>54.014.844.643</b>	<b>44,0</b>	<b>39,09</b>		
<b>I</b>	<b>Ngân sách tỉnh quản lý</b>			<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>0</b>		<b>4.769.165.653</b>	<b>4.769.165.653</b>		<b>13,6</b>	<b>13,6</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>		<b>22,86</b>	Chủ tịch UBND huyện	
1	Đường Nguyễn Huệ, Thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	BQLDA	35.000.000.000	35.000.000.000		26	4.769.165.653	4.769.165.653		13,6	13,6	7.000.000.000	8.000.000.000				
<b>II</b>	<b>Ngân sách cấp huyện quản lý</b>			<b>103.179.350.000</b>	<b>24.064.000.000</b>	<b>79.075.350.000</b>		<b>18.977.558.476</b>	<b>7.591.408.246</b>	<b>11.386.150.230</b>	<b>18,4</b>	<b>14,4</b>	<b>20.158.126.541</b>	<b>46.014.844.643</b>	<b>41,2</b>	<b>44,60</b>		
	<b>Phân cấp ngân sách huyện</b>			<b>26.419.000.000</b>	<b>0</b>	<b>26.419.000.000</b>		<b>6.173.271.344</b>	<b>0</b>	<b>6.173.271.344</b>	<b>23,4</b>	<b>23,4</b>	<b>6.173.271.344</b>	<b>16.710.000.000</b>	<b>36,9</b>	<b>63,25</b>	Chủ tịch UBND huyện	
a	Cân đối ngân sách địa phương			23.419.000.000	0	23.419.000.000		5.838.451.344	0	5.838.451.344	24,9	24,9	5.838.451.344	15.110.000.000	38,6	64,52		
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																	
1	Lộ từ cầu ấp 23, Vĩnh Thắng - Trường tiểu học Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thành	BQLDA	3.177.000.000		3.177.000.000	Giao mặt bằng	0			0,0		0,0	1.700.000.000	-			
2	Lộ Kinh Ngay 2- Xóm tro 2- Quang Vinh	xã Châu Hưng	BQLDA	1.958.000.000		1.958.000.000	100	1.708.034.071		1.708.034.071	87,2		87,2	1.708.034.071	1.800.000.000			
3	Xây dựng khu B của Huyện ủy	thị trấn Phú Lộc	BQLDA	2.124.000.000		2.124.000.000		0			0,0		0,0	0	1.500.000.000	-		
	<b>Dự án khởi công mới</b>							0						0				
4	Cầu Bảo Lớn (giáp ấp CHắc Đốt)	thị trấn Phú Lộc	BQLDA	2.500.000.000		2.500.000.000	5	127.250.000		127.250.000	5,1		5,1	127.250.000	1.400.000.000	9,1		
5	Lộ Phú Tân mở rộng (cấp sông bên phải giáp Tuấn tức)	thị trấn Phú Lộc	BQLDA	3.460.000.000		3.460.000.000	Giao mặt bằng	229.600.000		229.600.000	6,6		6,6	229.600.000	1.750.000.000	13,1		
6	Làm mới lộ ấp số 8 từ nhà ông Ngô Sang - Danh Hiền (giáp Đình số 8)	thị trấn Hưng Lợi	BQLDA	1.950.000.000		1.950.000.000	Giao mặt bằng	597.380.000		597.380.000	30,6		30,6	597.380.000	1.100.000.000	54,3		
7	Lộ kênh ông Tà (4 Hà - Ân), ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi	BQLDA	2.300.000.000		2.300.000.000	Giao mặt bằng	565.500.000		565.500.000	24,6		24,6	565.500.000	1.300.000.000	43,5		
8	Lộ 4 Cỏ - 6 Nho, ấp 14	xã Vĩnh Lợi	BQLDA	1.289.000.000		1.289.000.000	4	409.320.000		409.320.000	31,8		31,8	409.320.000	1.000.000.000	40,9		
9	Đường ấp X2 - X7 A nối tiếp (nhà út Nghĩa - nhà ông 7 Cười)	xã Thạnh Trị	BQLDA	1.050.000.000		1.050.000.000	100	1.014.547.273		1.014.547.273	96,6		96,6	1.014.547.273	900.000.000	112,7		

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024 được giao			Tiến độ thi công (%)	Giải ngân			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch			Khối lượng hoàn thành	Cam kết tiến độ giải ngân đến 30/6/2024	So sánh tỷ lệ giải ngân so với cam kết (%)	So sánh tỷ lệ cam kết giải ngân so với kế hoạch (%)	Lãnh đạo trực tiếp theo dõi chỉ đạo
				Tổng cộng	NSTW	NSDP		Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	NSTW	NSDP					
10	Cầu Lung Húc	xã Thạnh Trị	BQLDA	900.000.000		900.000.000	100	830.720.000		830.720.000	92,3		92,3	830.720.000	860.000.000	96,6		
11	Lộ kênh Xóm Cá (bên sông)	xã Thạnh Trị	BQLDA	1.354.000.000		1.354.000.000	Giao mặt bằng	174.200.000		174.200.000	12,9		12,9	174.200.000	900.000.000	19,4		
12	Lộ đal Sakeo (cầu Thanh Niên - nhà ông Lùng)	xã Lâm Tân	BQLDA	1.357.000.000		1.357.000.000	Giao mặt bằng	181.900.000		181.900.000	13,4		13,4	181.900.000	900.000.000	20,2		
<b>b</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>			<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000</b>		<b>334.820.000</b>	<b>0</b>	<b>334.820.000</b>	<b>11,2</b>		<b>11,2</b>	<b>334.820.000</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>20,9</b>	<b>53,33</b>	
13	Lộ liên ấp Kiệt Bình - Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt	BQLDA	3.000.000.000		3.000.000.000		334.820.000		334.820.000	11,2		11,2	334.820.000	1.600.000.000	20,9		
<b>c</b>	<b>Nguồn Xô số kiến thiết</b>			<b>29.780.000.000</b>	<b>0</b>	<b>29.780.000.000</b>		<b>5.212.878.886</b>	<b>0</b>	<b>5.212.878.886</b>	<b>17,5</b>		<b>17,5</b>	<b>5.212.878.886</b>	<b>11.547.266.960</b>	<b>45,1</b>	<b>38,78</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																	
14	Trường tiểu học Châu Hưng 1	xã Châu Hưng	BQLDA	1.650.000.000		1.650.000.000	100	1.515.611.926		1.515.611.926	91,9		91,9	1.515.611.926	1.350.000.000	112,3		
15	Trường tiểu học Vinh thành, THCS Vinh thành, Lâm tân	xã Vinh Thành, xã Lâm Tân	BQLDA	3.850.000.000		3.850.000.000	100	3.697.266.960		3.697.266.960	96,0		96,0	3.697.266.960	3.697.266.960	100,0		
	<b>Dự án khởi công mới</b>							<b>0</b>						<b>0</b>				
16	Xây dựng phòng học Trường mầm non Vinh lợi, Lâm tân	xã Vinh Lợi	BQLDA	14.900.000.000		14.900.000.000		0		0	0,0		0,0	0	3.500.000.000			
17	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7 huyện Thạnh trị	huyện Thạnh Trị	BQLDA	9.380.000.000		9.380.000.000		0		0	0,0		0,0	0	3.000.000.000			
<b>d</b>	<b>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</b>			<b>45.305.744.000</b>	<b>24.064.000.000</b>	<b>21.241.744.000</b>		<b>7.591.408.246</b>	<b>7.591.408.246</b>		<b>16,8</b>	<b>31,5</b>		<b>8.771.976.311</b>	<b>17.757.577.683</b>	<b>42,8</b>	<b>39,19</b>	
<b>d.1</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>			<b>12.993.744.000</b>	<b>11.693.000.000</b>	<b>1.300.744.000</b>		<b>3.003.308.628</b>	<b>3.003.308.628</b>		<b>23,1</b>	<b>25,7</b>		<b>3.699.308.628</b>	<b>8.895.000.000</b>	<b>33,8</b>	<b>68,46</b>	<b>PCT Nguyễn Văn Ngân</b>
	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>			<b>2.992.000.000</b>	<b>2.720.000.000</b>	<b>272.000.000</b>					<b>0,0</b>	<b>0,0</b>		<b>696.000.000</b>	<b>2.720.000.000</b>	<b>-</b>	<b>90,91</b>	
1	Hỗ trợ đất ở			440.000.000	400.000.000	40.000.000												
2	Hỗ trợ nhà ở			2.552.000.000	2.320.000.000	232.000.000												

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024 được giao			Tiến độ thi công (%)	Giải ngân			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch			Khối lượng hoàn thành	Cam kết tiến độ giải ngân đến 30/6/2024	So sánh tỷ lệ giải ngân so với cam kết (%)	So sánh tỷ lệ cam kết giải ngân so với kế hoạch (%)	Lãnh đạo trực tiếp theo dõi chỉ đạo
				Tổng cộng	NSTW	NSDP		Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	NSTW	NSDP					
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			10.001.744.000	8.973.000.000	1.028.744.000		3.003.308.628	3.003.308.628		30,0	33,5		3.003.308.628	6.175.000.000	48,6	61,74	
	Dự án chuyển tiếp			431.000.000	431.000.000	0		310.884.000	310.884.000		72,1	72,1		310.884.000	425.000.000	73,1	98,61	
18	Cầu kênh Ranh Kinh Ngay 2-23	xã Châu Hưng	BQLDA	431.000.000	431.000.000		100	310.884.000	310.884.000		72,1	72,1		310.884.000	425.000.000	73,1		
	Dự án khởi công mới			9.570.744.000	8.542.000.000	1.028.744.000		2.692.424.628	2.692.424.628		28,1	31,5		2.692.424.628	5.750.000.000	46,8	60,08	
19	Cầu kênh 10 thước 1	xã Thanh Tân	BQLDA	1.140.000.000	1.036.000.000	104.000.000	75	550.657.947	550.657.947		48,3	53,2		550.657.947	900.000.000	61,2		
20	Cầu kênh Huyện Tự	xã Thanh Tân	BQLDA	1.198.200.000	1.089.000.000	109.200.000	75	562.226.681	562.226.681		46,9	51,6		562.226.681	900.000.000	62,5		
21	Lộ kênh Ba Huế	TT Hưng Lợi	BQLDA	2.130.444.000	1.905.000.000	225.444.000	Giao mặt bằng	575.320.000	575.320.000		27,0	30,2		575.320.000	1.300.000.000	44,3		
22	Lộ Trung Thống - Tân Định	xã Tuân Tức	BQLDA	3.060.000.000	2.782.000.000	278.000.000	Giao mặt bằng	820.960.000	820.960.000		26,8	29,5		820.960.000	1.650.000.000	49,8		
23	Lộ kênh ông Cua	xã Tuân Tức	BQLDA	1.698.000.000	1.538.000.000	160.000.000	5	94.890.000	94.890.000		5,6	6,2		94.890.000	1.000.000.000	9,5		
24	Lộ và cống thoát nước hẻm 12 nối tiếp	thị trấn Phú Lộc	BQLDA	344.100.000	192.000.000	152.100.000	10	88.370.000	88.370.000		25,7	46,0		88.370.000	-			
d.2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			32.312.000.000	12.371.000.000	19.941.000.000		4.588.099.618	4.588.099.618		14,2	37,1		5.072.667.683	8.862.577.683	51,8	27,43	Chủ tịch UBND huyện
	Dự án chuyển tiếp			2.944.000.000	2.944.000.000	0		2.024.577.683	2.024.577.683		68,8	68,8		2.024.577.683	2.024.577.683		68,77	
25	Lộ B1 - Tân Lợi	xã Thanh Tân	BQLDA	2.944.000.000	2.944.000.000		100	2.024.577.683	2.024.577.683		68,8	68,8		2.024.577.683	2.024.577.683			
	Dự án khởi công mới			29.368.000.000	9.427.000.000	19.941.000.000		2.563.521.935	2.563.521.935	0	8,7	27,2		3.048.090.000	6.838.000.000	37,5	23,28	
26	Lộ kênh Hai Tài	xã Thanh Trị	BQLDA	1.165.000.000	1.165.000.000			0			0,0	0,0		0	900.000.000	-		
27	Lộ kênh ông Thái	xã Lâm Tân	BQLDA	2.793.000.000	2.793.000.000		7	185.400.000	185.400.000		6,6	6,6		185.400.000	1.600.000.000	11,6		
28	Lộ cầu Trung Thống - Phú Giao	xã Tuân Tức	BQLDA	1.410.000.000	1.410.000.000		30	93.120.000	93.120.000		6,6	6,6		93.120.000	900.000.000	10,3		
29	Lộ cầu Trung Hòa	xã Tuân Tức	BQLDA	1.383.000.000	1.383.000.000		25	127.020.000	127.020.000		9,2	9,2		127.020.000	900.000.000	14,1		
30	Đường Lát Chiếu nối tiếp	xã Thanh Tân	BQLDA	669.000.000	669.000.000		100	568.268.322	568.268.322		84,9	84,9		669.000.000	600.000.000	94,7		



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024 được giao			Tiến độ thi công (%)	Giải ngân			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch			Khối lượng hoàn thành	Cam kết tiến độ giải ngân đến 30/6/2024	So sánh tỷ lệ giải ngân so với cam kết (%)	So sánh tỷ lệ cam kết giải ngân so với kế hoạch (%)	Lãnh đạo trực tiếp theo dõi chỉ đạo
				Tổng cộng	NSTW	NSDP		Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	NSTW	NSDP					
31	Cầu ống Thanh	xã Châu Hưng	UBND xã Châu Hưng	669.000.000	669.000.000		95	360.903.990	360.903.990			53,9	53,9	635.550.000	600.000.000	60,2		
32	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng (đèn năng lượng mặt trời), xã Vĩnh Lợi (8054041)	xã Vĩnh Lợi	UBND xã Vĩnh Lợi	223.000.000	223.000.000		100	216.313.000	216.313.000			97,0	97,0	223.000.000	223.000.000	97,0		
33	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng, xã Lâm Tân (8054454)	xã Lâm Tân	UBND xã Lâm Tân	223.000.000	223.000.000		100	195.006.000	195.006.000			87,4	87,4	223.000.000	223.000.000	87,4		
34	Hệ thống đèn thấp sáng đường quê, xã Tuấn Túc (8054040)	xã Tuấn Túc	UBND xã Tuấn Túc	223.000.000	223.000.000		100	211.061.623	211.061.623			94,6	94,6	223.000.000	223.000.000	94,6		
35	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng (đèn năng lượng mặt trời), xã Vĩnh Thành (8054039)	xã Vĩnh Thành	UBND xã Vĩnh Thành	223.000.000	223.000.000		100	216.124.000	216.124.000			96,9	96,9	223.000.000	223.000.000	96,9		
36	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng (đèn năng lượng mặt trời), xã Thạnh Trị (8054212)	xã Thạnh Trị	UBND xã Thạnh Trị	223.000.000	223.000.000		100	195.299.000	195.299.000			87,6	87,6	223.000.000	223.000.000	87,6		
37	Hệ thống đèn thấp sáng đường quê, xã Lâm Kiệt (8054811)	xã Lâm Kiệt	UBND xã Lâm Kiệt	223.000.000	223.000.000		100	195.006.000	195.006.000			87,4	87,4	223.000.000	223.000.000	87,4		
<b>Vốn Ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện CTMTQG xây dựng Nông thôn mới</b>				<b>19.941.000.000</b>	<b>0</b>	<b>19.941.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
38	Nâng cấp, mở rộng lộ kênh Cái Trầu	xã Thạnh Tân - xã Lâm Tân	BQLDA	8.335.000.000		8.335.000.000												
39	Đường Chùa Lộ Mới	xã Lâm Tân	BQLDA	5.000.000.000		5.000.000.000												
40	Cầu chùa và Đường xóm Phò đầu nổi huyện lộ 61	xã Lâm Kiệt	BQLDA	5.606.000.000		5.606.000.000												
41	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Nghĩa	xã Lâm Tân	UBND xã Lâm Tân	500.000.000		500.000.000												
42	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Lộc	xã Lâm Tân	UBND xã Lâm Tân	500.000.000		500.000.000												
e	<b>Nguồn tăng thu năm 2022 (Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2024)</b>			<b>1.543.542.000</b>	<b>0</b>	<b>1.543.542.000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>			
	Xây dựng khu B của Huyện ủy	thị trấn Phú Lộc	BQLDA	1.543.542.000		1.543.542.000		0			0,0	0,0		1.500.000.000	-			
f	<b>Nguồn tiết kiệm chi năm 2022 đã hạch toán chi chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2022 sang năm 2023 (Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2024)</b>			<b>91.064.000</b>	<b>0</b>	<b>91.064.000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0</b>	<b>91.064.000</b>	<b>-</b>			

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024 được giao			Tiến độ thi công (%)	Giải ngân			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch			Khối lượng hoàn thành	Cam kết tiến độ giải ngân đến 30/6/2024	So sánh tỷ lệ giải ngân so với cam kết (%)	So sánh tỷ lệ cam kết giải ngân so với kế hoạch (%)	Lãnh đạo trực tiếp theo dõi chỉ đạo
				Tổng cộng	NSTW	NSDP		Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	NSTW	NSDP					
	Cầu kênh Ranh Kinh Ngay 2-23	xã Châu Hưng	BQLDA	91.064.000		91.064.000		0			0,0	0,0		91.064.000	-			
g	Ứng trước kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2024 (Kết dư ngân sách huyện)			40.000.000	0	40.000.000		0	0	0	0,0	0,0	0	0				
	Nâng cấp, mở rộng lộ kênh Cái Trầu	xã Thanh Tân - xã Lâm Tân	BQLDA	5.000.000		5.000.000												
	Đường Chùa Lộ Mới	xã Lâm Tân	BQLDA	5.000.000		5.000.000												
	Cầu chùa và Đường xóm Phố đầu nôi huyện lộ 61	xã Lâm Kiệt	BQLDA	5.000.000		5.000.000												
	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Nghĩa	xã Lâm Tân	UBND xã Lâm Tân	5.000.000		5.000.000												
	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Lộc	xã Lâm Tân	UBND xã Lâm Tân	5.000.000		5.000.000												
43	Nâng cấp, mở rộng lộ Tân Thăng - Tân Phước	xã Thanh Tân	BQLDA	5.000.000		5.000.000												
44	Lộ ấp Tà Điếp C1 - C2	xã Thanh Trị	BQLDA	5.000.000		5.000.000												
45	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng (đèn năng lượng mặt trời), xã Vinh Lợi (8054041)	xã Vinh Lợi	UBND xã Vinh Lợi	5.000.000		5.000.000		0			0,0	0,0						

**TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 156 /BC-UBND, ngày 11/ 6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị

Đến ngày 31-5-2024

Đơn vị: đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024 được giao	Tiến độ thi công (%)	Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Khối lượng hoàn thành	Ước giải ngân đến 30/6/2024	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>33.549.200.000</b>		<b>12.346.760.000</b>	<b>36,80</b>	<b>12.346.760.000</b>	<b>19.690.600.000</b>	<b>58,7</b>
	<b>Kinh phí Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thủy lợi phục vụ sản xuất lúa năm 2024</b>		<b>Phòng NN-PTNT</b>	<b>22.548.000.000</b>		<b>10.703.180.000</b>	<b>47,47</b>	<b>10.703.180.000</b>	<b>14.190.000.000</b>	<b>62,9</b>
1	Nạo vét hệ thống kênh Chắc Tranh - Mã Lớn	TT Phú Lộc		1.100.000.000	100	830.700.000		830.700.000	850.000.000	
2	Nạo vét hệ thống kênh Tám Linh - Út Mía	TT Phú Lộc		1.080.000.000	100	746.000.000		746.000.000	760.000.000	
3	Nạo vét hệ thống kênh Bà Ngẫu - Ba Huê	TT Hưng Lợi		970.000.000	100	210.000.000		210.000.000	740.000.000	
4	Nạo vét hệ thống đê bao trạm bơm áp 23	TT Hưng Lợi - xã Thạnh Trị		920.000.000				0	720.000.000	
5	Nạo vét hệ thống kênh nhánh Tai Trâu - Mây Dốc	Xã Thạnh Trị		1.399.000.000	100	286.000.000		286.000.000	800.000.000	
6	Nạo vét hệ thống đê bao Thạnh Điền - Phú Tân	TT Phú Lộc		910.000.000	100	748.000.000		748.000.000	765.000.000	
7	Nạo vét hệ thống rạch Tà Lọt A	xã Thạnh Trị		1.030.000.000	100	854.000.000		854.000.000	870.000.000	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024 được giao	Tiến độ thi công (%)	Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Khối lượng hoàn thành	Ước giải ngân đến 30/6/2024	Ghi chú
8	Nạo vét hệ thống kênh Ông Huyện	xã Thạnh Trị		980.000.000	100	835.000.000		835.000.000	855.000.000	
9	Nạo vét hệ thống kênh Ông Bánh - Ông Dal - Ông Thành	xã Lâm Tân		1.190.000.000	80	483.000.000		483.000.000	680.000.000	
10	Nạo vét hệ thống kênh Mương Điều	xã Lâm Tân		1.080.000.000	100	918.500.000		918.500.000	950.000.000	
11	Nạo vét Rạch Sa Keo (từ kênh Bà Tư Lùng đến kênh Mương Điều)	xã Lâm Tân		1.230.000.000	100	939.000.000		939.000.000	960.000.000	
12	Nạo vét hệ thống kênh Bà Tư Lùng	xã Lâm Tân - xã Tuân Tứ		1.150.000.000	100	909.800.000		909.800.000	930.000.000	
13	Nạo vét hệ thống kênh Bà Lót - Ông Cọt - Ông Nuôi	xã Tuân Tứ		1.250.000.000	100	1.015.000.000		1.015.000.000	1.100.000.000	
14	Nạo vét hệ thống kênh Năm Hạt	xã Thạnh Tân		1.070.000.000	80	784.480.000		784.480.000	810.000.000	
15	Nạo vét hệ thống kênh Xóm Cá - Cây Nho	xã Thạnh Tân		900.000.000	100	343.600.000		343.600.000	750.000.000	
16	Nạo vét hệ thống kênh Út Thu - Ông Dol - Tư Bèo - Bảy Hoàng	xã Thạnh Tân		659.000.000	75	248.200.000		248.200.000	550.000.000	
17	Nạo vét hệ thống kênh Năm Lợi - Ông Tàu	xã Vĩnh Lợi		950.000.000				0		
18	Nạo vét hệ thống kênh Ông Kềm; cải tạo hệ thống cống áp 23.	xã Châu Hưng		1.080.000.000				0		
19	Xây dựng trạm bơm kênh Ông Thẳng	xã Châu Hưng		1.400.000.000				0		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024 được giao	Tiến độ thi công (%)	Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Khối lượng hoàn thành	Ước giải ngân đến 30/6/2024	Ghi chú
20	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm kênh Năm Tới	xã Vĩnh Thành		700.000.000				0	-	
21	Nạo vét hệ thống kênh Năm Năng - Tư Thiệt	xã Vĩnh Thành		600.000.000	70	218.900.000		218.900.000	450.000.000	
22	Nạo vét hệ thống kênh Thầy Ban - Ông Quyết - Trà Do	xã Lâm Kiệt		900.000.000	100	333.000.000		333.000.000	650.000.000	
	<b>Kinh phí Sự nghiệp kiến thiết thị chính</b>		<b>Phòng KTHT</b>	<b>11.001.200.000</b>		<b>1.643.580.000</b>	<b>14,94</b>	<b>1.643.580.000</b>	<b>5.500.600.000</b>	<b>50,0</b>
23	Trung hoa Tết Giáp Thìn 2024	TT Phú Lộc, TT Hưng Lợi		600.000.000		525.900.000		525.900.000	300.000.000	
24	Duy trì chăm sóc cây xanh và hệ thống chiếu sáng năm 2024	TT Phú Lộc		1.500.000.000		368.607.000		368.607.000	750.000.000	
25	Bảo dưỡng, sửa chữa nạo vét hệ thống cống thoát nước trên địa bàn TT Phú Lộc	TT Phú Lộc		800.000.000				0	400.000.000	
26	Bảo dưỡng sửa chữa mặt đường Nguyễn Trung Trực, Trần Văn Bảy TT Phú Lộc	TT Phú Lộc		2.000.000.000				0	1.000.000.000	
27	Sửa chữa , cải tạo vỉa hè, cống thoát nước Ấp số 8, TT Hưng Lợi	TT Phú Lộc		1.600.000.000				0	800.000.000	
28	Sửa chữa , cải tạo vỉa hè vòng xoay trung tâm TT Hưng Lợi	TT Hưng Lợi		2.300.000.000				0	1.150.000.000	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024 được giao	Tiến độ thi công (%)	Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch	Khối lượng hoàn thành	Ước giải ngân đến 30/6/2024	Ghi chú
29	Bảo dưỡng sửa chữa vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng và đèn trang trí Đường tỉnh 937B cũ, TT Hưng Lợi	TT Hưng Lợi		1.360.000.000				0	680.000.000	
30	Cải tạo lắp đèn trang trí Công viên, Huyện ủy, Ủy ban, đường 30/4	TT Phú Lộc		841.200.000		749.073.000		749.073.000	420.600.000	

## Phụ lục 3

**ĐIỀU CHỈNH CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**  
**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
*(Kèm theo Báo cáo số: 06/BC-UBND, ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị)*

Đơn vị: đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú		
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB			
									Tổng số						Trong đó: NSDP							Tổng số	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	16	17	18	19	20	21	
<b>TỔNG SỐ</b>									44.778.000.000	44.778.000.000	44.778.000.000		26.419.000.000	26.419.000.000		787.000.000	787.000.000	26.419.000.000					
<b>Cần đối ngân sách địa phương</b>									37.484.000.000	37.484.000.000	37.484.000.000		23.419.000.000	23.419.000.000		787.000.000	787.000.000	23.419.000.000					
<b>Dự án chuyển tiếp</b>									17.250.000.000	17.250.000.000	17.250.000.000		7.259.000.000	7.259.000.000		0	298.000.000	6.961.000.000					
<b>NGÀNH/ LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>									12.350.000.000	12.350.000.000	12.350.000.000		5.135.000.000	5.135.000.000		0	298.000.000	4.837.000.000					
1	Lộ từ cầu áp 23, Vĩnh Thắng - Trường tiểu học Vĩnh Thắng	Xã Vĩnh thành	Dài 1.997,84m x 3,0m; 01 cầu	KBNN huyện Thanh Trị	8005336	292	2023-2024	3364/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	5.510.000.000	5.510.000.000	5.510.000.000		3.177.000.000	3.177.000.000			49.000.000	3.128.000.000					
2	Lộ Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2 - Quang Vinh	xã Châu Hưng	Dài 2.796,2m : 03 cầu, 01 cống	KBNN huyện Thanh Trị	8000861	292	2023-2024	593/QĐ-UBND ngày 19/11/2022	6.840.000.000	6.840.000.000	6.840.000.000		1.958.000.000	1.958.000.000			249.000.000	1.709.000.000					
<b>NGÀNH/ LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>									4.900.000.000	4.900.000.000	4.900.000.000		2.124.000.000	2.124.000.000		0	0	2.124.000.000					
3	Xây dựng khu B của Huyện uỷ	TT Phú Lộc		KBNN huyện Thanh Trị	8062880	341	2023-2024	3078/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	4.900.000.000	4.900.000.000	4.900.000.000		2.124.000.000	2.124.000.000				2.124.000.000					
<b>Các dự án khởi công mới năm 2024</b>									20.234.000.000	20.234.000.000	20.234.000.000	0	16.160.000.000	16.160.000.000		787.000.000	489.000.000	16.458.000.000					
<b>Dự án nhóm C</b>									20.234.000.000	20.234.000.000	20.234.000.000	0	16.160.000.000	16.160.000.000		787.000.000	489.000.000	16.458.000.000					
<b>NGÀNH GIAO THÔNG</b>									20.234.000.000	20.234.000.000	20.234.000.000	0	16.160.000.000	16.160.000.000		787.000.000	489.000.000	16.458.000.000					
1	Cầu Bao Lớn (giáp áp Chác Đốt)	TT Phú Lộc	30m x 4m	KBNN huyện Thanh Trị	8067794	292	2024	3365/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000	2.500.000.000			156.000.000	2.344.000.000					
2	Lộ Phú Tân mở rộng (cấp sống bên phải giáp Tuấn Túc)	TT Phú Lộc	2.100m x 3m	KBNN huyện Thanh Trị	8067793	292	2024-2025	3366/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3.580.000.000	3.580.000.000	3.580.000.000		3.460.000.000	3.460.000.000		91.000.000		3.551.000.000					
3	Làm mới lộ áp Số 8 từ nhà ông Ngô Sang Danh Hiến (Giáp đình Số 8)	TT Hưng Lợi	1.300m x 3m	KBNN huyện Thanh Trị	8067792	292	2024	3367/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.950.000.000	1.950.000.000	1.950.000.000		1.950.000.000	1.950.000.000			119000000	1.831.000.000					
4	Lộ Kênh ông tá (4 Hà -2 án ), áp 16/2	xã Vĩnh Lợi	1.300m x 3,5m	KBNN huyện Thanh Trị	8067791	292	2024	3368/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000		2.300.000.000	2.300.000.000			123000000	2.177.000.000					
5	Lộ 4 cô - 6 Nho, áp 14	xã Vĩnh Lợi	1.700m x 3,5m	KBNN huyện Thanh Trị	8067790	292	2024	3369/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.289.000.000	1.289.000.000	1.289.000.000		1.289.000.000	1.289.000.000			45000000	1.244.000.000					
6	Đường áp X2 - X7 A nối tiếp (Nhà Út Nghĩa - nhà ông 7 cười)	xã Thanh Trị	600m x 3m	KBNN huyện Thanh Trị	8067788	292	2024	3370/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.050.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000		1.050.000.000	1.050.000.000			29000000	1.021.000.000					
7	Cầu Lung Húc	xã Thanh Trị	25m x 3m	KBNN huyện Thanh Trị	8067789	292	2024	3371/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	900.000.000	900.000.000	900.000.000		900.000.000	900.000.000			17000000	883.000.000					
8	Lộ kênh Xom cá (bên sông)	áp 21, xã Thanh Tân	2.000m x 3m	KBNN huyện Thanh Trị	8067341	292	2024-2025	3372/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3.200.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000		1.354.000.000	1.354.000.000				1.354.000.000					
9	Lộ đai Sakoe (cầu Thanh Niên - nhà Ông Lúng)	xã Lâm Tân	Lộ 1700m x 3m, 02 Cầu mới cầu 10m x 3m	KBNN huyện Thanh Trị	8067340	292	2024-2025	3373/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3.465.000.000	3.465.000.000	3.465.000.000		1.357.000.000	1.357.000.000		696000000		2.053.000.000					
<b>Nguồn vốn Thu tiền sử dụng đất</b>									7.294.000.000	7.294.000.000	7.294.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000				3.000.000.000					
10	Lộ Liên ấp Kiệt Bình-Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt	3.100m x 3m, 02 cầu trên tuyến	KBNN huyện Thanh Trị	8067339	292	2024-2025	3374/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	7.294.000.000	7.294.000.000	7.294.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000				3.000.000.000			02 nguồn vốn		